

BÀI TẬP CUỐI TUẦN TOÁN 3

Tuần 19 – Đề 2

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu 1. Đúng ghi Đ, sai ghi S.

a) Số liền trước số 1000 là số:

900

999

909

b) Số liền sau số lớn nhất có 3 chữ số là số:

1000

1001

1002

Câu 2. Đúng ghi Đ, sai ghi S

Viết thành tổng:

a) $4075 = 4000 + 70 + 5$

b) $3008 = 3000 + 8$

c) $9170 = 9000 + 700 + 10 + 0$

d) $4615 = 4000 + 600 + 10 + 5$

Câu 3. Đánh dấu X vào ô trống đặt sau kết quả đúng.

a) $4872 \rightarrow 4873 \rightarrow (\dots\dots)$

Số thích hợp điền vào chỗ trống là:

4871

4870

4874

b) $5674 \rightarrow (\dots\dots) \rightarrow 5678$

Số thích hợp để điền vào chỗ trống là:

5672 5675 5676

c) 7841 -----> 7843 -----> (.....)

Số thích hợp điền vào chỗ trống là:

7840 7845 7847 **Phần 2. Tự luận****Bài 1.** Viết số có bốn chữ số (khác 0) tùy ý vào ô trống trong bảng sau (theo mẫu):

Viết số	Đọc số	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
1485	Một nghìn bốn trăm tám mươi lăm	1	4	8	5

Bài 2. Viết các số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 1071; 1072; ... ; ... ; ... ; 1075; ...; 1077.

b) 4001; 4002; ... ; ... ; 4005; ... ; ... ; 4008.

c) 5075; 5076; ... ; ... ; ... ; 5080; ... ; 5082.

Bài 3.

a) Viết bốn số, mỗi số có bốn chữ số và lớn hơn số 8835.

b) Viết tất cả các số có bốn chữ số và bé hơn số 1008.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

4. a) Viết tất cả các số có bốn chữ số, trong đó mỗi số có tổng các chữ số là 2.

b) Xếp các số đó theo thứ tự từ lớn đến bé.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

LỜI GIẢI CHI TIẾT**Phần 1. Trắc nghiệm****Câu 1.****Phương pháp:**

Áp dụng kiến thức:

- Số liền trước của một số kém số đó 1 đơn vị.
- Số liền sau của một số hơn số đó 1 đơn vị..

Cách giải:

a) Số liền trước số 1000 là số 999.

Vậy ta có kết quả như sau:

900 S

999 Đ

909 S

b) Số lớn nhất có 3 chữ số là 999.

Số liền sau số 999 là 1000.

Do đó, số liền sau số lớn nhất có 3 chữ số là số 1000.

Vậy ta có kết quả như sau:

1000 Đ

1001 S

1002 S

Câu 2.**Phương pháp:**

Xác định giá trị của từng chữ số trong mỗi số rồi viết số đã cho dưới dạng tổng.

Cách giải:

Ta có:

a) $4075 = 4000 + 70 + 5$

b) $3008 = 3000 + 8$

c) $9170 = 9000 + 100 + 70 + 0$

d) $4615 = 4000 + 600 + 10 + 5$

Vậy ta có kết quả như sau:

a) $4075 = 4000 + 70 + 5$ Đ

b) $3008 = 3000 + 8$ Đ

c) $9170 = 9000 + 700 + 10 + 0$ S

d) $4615 = 4000 + 600 + 10 + 5$ Đ

Câu 3.

Phương pháp:

a) Đếm thêm 1 đơn vị, tức là số liền sau hơn số liền trước 1 đơn vị.

b) Đếm thêm 2 đơn vị, tức là số liền sau hơn số liền trước 2 đơn vị.

c) Đếm thêm 2 đơn vị, tức là số liền sau hơn số liền trước 2 đơn vị.

Cách giải:

a) $4872 \text{ -----} > 4873 \text{ -----} > \mathbf{4874}$.

Vậy ta có kết quả như sau:

4871

4870

4874

b) $5674 \text{ -----} > \mathbf{5676} \text{ -----} > 5678$

Vậy ta có kết quả như sau:

5672

5675

5676

c) $7841 \text{ -----} > 7843 \text{ -----} > \mathbf{7845}$

Vậy ta có kết quả như sau:

7840 7845 7847 **Phần 2. Tự luận****Bài 1.****Phương pháp:**

Quan sát kĩ ví dụ mẫu và làm tương tự.

Cách giải:

Viết số	Đọc số	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
1485	Một nghìn bốn trăm tám mươi lăm	1	4	8	5
2605	Hai nghìn sáu trăm linh năm	2	6	0	5
9155	Chín nghìn một trăm năm mươi lăm	9	1	5	5
6058	Sáu nghìn không trăm năm mươi tám	6	0	5	8
7314	Bảy nghìn ba trăm mười bốn	7	3	1	4

Bài 2.

Phương pháp:

Đếm thêm 1 đơn vị, tức là số liền sau hơn số liền trước 1 đơn vị.

Cách giải:

a) 1071 ; 1072 ; 1072 ; 1073 ; 1074 ; 1075 ; 1076 ; 1077.

b) 4001 ; 4002 ; 4003 ; 4004 ; 4005 ; 4006 ; 4007 ; 4008.

c) 5075 ; 5076 ; 5077 ; 5078 ; 5079 ; 5080 ; 5081 ; 5082.

Bài 3.**Phương pháp:**

Dựa vào cách so sánh số tự nhiên để viết các số thỏa mãn yêu cầu bài toán:

Trong hai số tự nhiên:

- Số nào có nhiều chữ số hơn thì lớn hơn. Số nào có ít chữ số hơn thì bé hơn.
- Nếu hai số có chữ số bằng nhau thì so sánh từng cặp chữ số ở cùng một hàng kể từ trái sang phải.
- Nếu hai số có tất cả các cặp chữ số ở từng hàng đều bằng nhau thì hai số đó bằng nhau.

Cách giải:

a) Có thể lấy như sau:

Bốn số, mỗi số có bốn chữ số và lớn hơn số 8835 là: 8836 ; 8899 ; 9015 ; 9999.

Lưu ý: có nhiều đáp số thỏa mãn yêu cầu bài toán, học sinh có thể lấy tùy ý các số.

b) Tất cả các số có bốn chữ số và bé hơn số 1008 là: 1007; 1006; 1005; 1004; 1003; 1002; 100 ; 1000.

Bài 4.**Phương pháp:**

- Viết 2 thành tổng của các chữ số, từ đó viết được các số có 4 chữ số, trong đó mỗi số có tổng các chữ số là 2.

- So sánh các số rồi sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé hoặc từ bé đến lớn.

Cách giải:

a) Ta có:

$$2 = 2 + 0 + 0 + 0$$

$$= 1 + 1 + 0 + 0$$

$$= 1 + 0 + 1 + 0$$

$$= 1 + 0 + 0 + 1$$

Vậy tất cả các số có bốn chữ số, trong đó mỗi số có tổng các chữ số là 2 là:
2000; 1100; 1010; 1001.

b) So sánh các số ta có:

$$2000 > 1100 > 1010 > 1001.$$

Vậy các số xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là:

$$2000; 1100; 1010; 1001.$$